

Tăng tỷ trọng

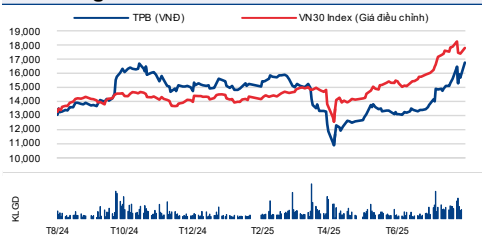
Giá mục tiêu: VNĐ15,900

Tiềm năng tăng/giảm: -5.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (4/8/2025)	16,750
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,907-16,750
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,050
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	44,254
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,690
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,642
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	793
Sig CP NN được mua (tr.đv)	16.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.4%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	418,028	462,560	524,101
Dư nợ cho vay (ntđ)	251,104	296,171	346,396
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	18,037	19,523	22,726
Lợi nhuận thuần (ntđ)	6,074	6,534	7,454
BVPS (đồng)	14,230	14,948	17,186
EPS (đồng)	2,299	2,473	2,821
DPS (đồng)	500	1,000	700
T.trưởng cho vay KH (%)	22.3	17.9	17.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	11.1	8.24	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	36.1	7.57	14.1
Tăng trưởng DPS (%)	(87.2)	100	(30.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.7	40.4	24.8
ROAE (%)	17.3	17.0	17.6
ROAA (%)	1.57	1.48	1.51
Tỷ lệ NIM (%)	3.73	3.65	3.75
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	37.2	36.9
Hệ số CAR (%)	11.4	9.74	9.13
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.51	1.99	1.90
LLR/nợ xấu (%)	81.5	93.0	96.9
Hệ số LDR (%)	103	103	102
P/B (lần)	1.18	1.12	0.97
P/E (lần)	7.29	6.77	5.94
Lợi suất cổ tức (%)	2.99	5.97	4.18

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng 7%, sát với dự báo

- LNTT Q2 của TPB đạt 2.037 tỷ đồng, tăng 7%, nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 9% và chi phí dự phòng giảm 13%. LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 4.146 tỷ đồng, tăng 11%, hoàn thành 51% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 12,3% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM giảm nhẹ xuống 3,43%. Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,05% và chi phí dự phòng giảm 38%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,05 lần, thấp hơn 13% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,21 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

TPB đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 2.037 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ (giảm 3% so với quý trước) nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 9% so với cùng kỳ (đạt 4.616 tỷ đồng) và trích lập dự phòng giảm 13% so với cùng kỳ (xuống 825 tỷ đồng) trong khi chi phí hoạt động tăng 27% so với cùng kỳ. Chúng tôi cho rằng đây là một kết quả khả quan.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, LNTT đạt 4.146 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, hoàn thành 51% kế hoạch cả năm 2025 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ trong Q2

Tín dụng tăng trưởng 12,3% so với đầu năm (tăng 8,4% so với quý trước) đạt 292 nghìn tỷ đồng, trong đó tổng dư nợ cho vay tăng 13,8% so với đầu năm (tăng 8,9% so với quý trước) lên 284 nghìn tỷ đồng trong khi TPDN nắm giữ giảm 22,8% so với đầu năm xuống 8 nghìn tỷ đồng.

Cơ cấu theo phân khúc, tín dụng khách hàng doanh nghiệp lớn/DNNVV tăng 16,4% so với đầu năm lên 149 nghìn tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với phân khúc bán lẻ, tăng 10,7% so với đầu năm lên 122 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2025, TPB

LNTT của TPB hoàn thành 51% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của HSC

(Tỷ đồng)	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,237	3,151	-3%	6,664	6,535	-2%	45%
Thu nhập ngoài lãi	999	1,464	47%	2,257	2,563	14%	50%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	945	989	5%	1,660	1,899	14%	52%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	1	369		84	351	319%	110%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(45)	0	-101%	431	102	-76%	15%
Thu nhập khác	98	106	8%	82	211	158%	53%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0	50%	0	0		
Tổng thu nhập HĐ	4,236	4,616	9%	8,921	9,098	2%	47%
Chi phí HĐ	(1,383)	(1,754)	27%	(3,059)	(3,638)	19%	50%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,853	2,862	0%	5,863	5,461	-7%	45%
Chi phí dự phòng	(949)	(825)	-13%	(2,130)	(1,314)	-38%	32%
LNTT	1,904	2,037	7%	3,733	4,146	11%	51%
Lợi nhuận thuần	1,523	1,630	7%	2,986	3,316	11%	51%

Nguồn: TPB, HSC

HSC tin rằng TPDN nắm giữ sụt giảm là do giá trị trái phiếu liên quan đến Bamboo Capital (BCG; Chưa khuyến nghị) giảm xuống, mà một phần trong số trái phiếu này đã bị UBCKNN phong tỏa vào tháng 3/2025 sau khi chủ tịch BCG bị cáo buộc vào tháng 2/2025. Do đó, việc quy mô trái phiếu giảm có vẻ tích cực đối với chất lượng tài sản của TPB và ORS (Chứng khoán Tiên Phong).

Tỷ lệ NIM giảm do tín dụng tăng trưởng nhanh

Tỷ lệ NIM của TPB giảm 23 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 68 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 3,43%, trong đó lợi suất gộp tăng 8 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 43 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 7,44% trong khi chi phí huy động tăng 36 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 33 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 4,17%.

Chúng tôi cho rằng tỷ lệ NIM thu hẹp là hợp lý do tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng đang tăng tốc trong khi cơ sở tiền gửi vẫn khiêm tốn so với ngành. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ phục hồi trong nửa cuối năm nhờ nhu cầu tín dụng cải thiện. Thu nhập lãi thuần Q1/2025 giảm 3% so với cùng kỳ (giảm 7% so với quý trước) xuống 3.151 tỷ đồng, tương đương đạt 6.535 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025 (giảm 2% so với cùng kỳ), hoàn thành 45% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối dẫn đầu tăng trưởng thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 47% so với cùng kỳ đạt 1.464 tỷ đồng nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng mạnh lên 369 tỷ đồng từ 1 tỷ đồng trong Q2/2024 và lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 5% so với cùng kỳ đạt 989 tỷ đồng. Trong khi đó, lãi mua bán trái phiếu sụt giảm do diễn biến lợi suất TPCP không thuận lợi (lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm của Việt Nam tăng lên gần 3,4% trong Q2/2025 từ 2,8% trong Q2/2024).

Thu nhập ngoài lãi 6 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 50% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Chi phí hoạt động tăng mạnh những vẫn trong tầm kiểm soát

Tổng chi phí hoạt động tăng 27% so với cùng kỳ trong Q2/2025 đạt 1.754 tỷ đồng, chủ yếu nhờ chi phí lao động giảm 24% so với cùng kỳ xuống 903 tỷ đồng và chi phí quản lý khác tăng 32% so với cùng kỳ lên 444 tỷ đồng. Số lượng nhân viên gần như đi ngang so với quý trước (tăng 4% so với cùng kỳ) ở mức 7.747 nhân viên.

Hệ số CIR trong quý giảm xuống 38% từ 42% trong Q1/2025 nhưng vẫn cao hơn so với Q2/2024 (32,6%).

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ

Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,05% từ 2,27% tại thời điểm cuối Q1/2025 nhưng vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm xuống 1,8% từ 2,21% trong Q1/2025, cho thấy sự cải thiện ở chất lượng tài sản. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 63% từ 57% trong quý trước.

Ngân hàng tiếp tục xử lý 579 tỷ đồng nợ xấu trong Q2/2025 (so với 198 tỷ đồng trong Q1/2025 và mức nền cao 838 tỷ đồng trong Q2/2024), trong khi tỷ lệ nợ xấu mới hình thành chỉ còn 0,16%, so với 0,9% trong Q1/2025.

Chi phí dự phòng giảm 13% so với cùng kỳ xuống 825 tỷ đồng trong Q2/2025, tương đương chi phí tín dụng ở mức 1,32%, so với 0,85% trong Q1/2025. Trong nửa đầu năm 2025, chi phí dự phòng giảm 38% so với cùng kỳ xuống 1.314 tỷ đồng, tương đương 32% dự báo cả năm của chúng tôi, nhưng vẫn là mức vững chắc so với mức nền cao cùng kỳ năm ngoái.

Nhìn chung, chất lượng tài sản cải thiện nhẹ với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống và trích lập dự phòng tốt. Chúng tôi tin rằng chất lượng tài sản có thể sẽ tiếp tục cải thiện trong nửa cuối năm nhờ nền kinh tế và thị trường BĐS phục hồi.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,05 lần, thấp hơn 13% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,21 lần.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	28,559	25,948	29,237	35,813	41,937
Chi phí lãi	(16,135)	(13,042)	(14,809)	(18,859)	(22,294)
Thu nhập lãi thuần	12,425	12,905	14,427	16,954	19,643
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,279	3,364	3,676	4,252	4,909
Lãi thuần HĐ KDNH	779	319	319	319	319
Lãi/lỗ từ mua bán CK	856	1,096	700	700	500
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0.04	0	0	0
Thu nhập khác	(105)	354	400	500	700
Tổng thu nhập HĐ	16,234	18,037	19,523	22,726	26,071
Chi phí HĐ	(6,699)	(6,278)	(7,266)	(8,390)	(9,677)
LN trước dự phòng	9,535	11,759	12,257	14,335	16,394
Chi phí dự phòng	(3,946)	(4,159)	(4,089)	(5,018)	(5,772)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,589	7,600	8,168	9,318	10,622
Chi phí thuế TNDN	(1,126)	(1,526)	(1,634)	(1,864)	(2,124)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,463	6,074	6,534	7,454	8,498
EPS (đồng)	1,689	2,299	2,473	2,821	3,216
DPS (đồng)	3,900	500	1,000	700	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,202	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,202	2,642	2,642	2,642	2,642

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,339	1,293	1,547	559	1,231
Tiền gửi tại NHNN	9,212	22,708	12,424	11,592	13,679
Tiền gửi tại các TCTD khác	52,352	70,521	74,047	77,749	81,637
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	202,678	248,005	290,675	340,030	394,574
Tổng dư nợ cho vay	205,355	251,104	296,171	346,396	401,701
Dự phòng rủi ro	(2,677)	(3,098)	(5,496)	(6,366)	(7,126)
Chứng khoán đầu tư	65,336	59,472	66,888	75,244	84,722
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,392	59,549	66,921	75,277	84,755
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	44.7	44.7	44.7	44.7
Dự phòng rủi ro	(100)	(122)	(77.7)	(77.7)	(77.7)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,059	1,222	1,283	1,347	1,414
Tài sản khác	23,662	14,807	15,695	17,579	19,688
Tổng tài sản	356,637	418,028	462,560	524,101	596,946
Nợ phải trả	323,894	380,432	423,067	478,695	544,143
Tiền gửi của NHNN	338	238	286	343	412
Tiền gửi của các TCTD khác	83,966	94,514	83,733	82,896	82,067
Tổng tiền gửi KH	208,262	242,806	288,939	340,948	402,319
Trái phiếu và CCTG	24,216	36,633	43,959	48,355	53,191
Nợ khác	6,972	6,016	6,016	6,016	6,016
Vốn chủ sở hữu	32,743	37,596	39,493	45,406	52,802
Vốn điều lệ	22,016	26,420	22,016	22,016	22,016
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	7,674	7,455	12,802	17,597	23,719
Quỹ & vốn khác của CSH	3,052	3,722	4,674	5,792	7,067
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	356,637	418,028	462,560	524,101	596,946
BVPS (đồng)	14,872	14,230	14,948	17,186	19,986

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.52	17.2	10.7	13.3	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.4	22.3	17.9	17.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	6.82	16.6	19.0	18.0	18.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	7.93	20.2	19.1	16.9	17.0
Tăng trưởng VCSH (%)	1.56	14.8	5.04	15.0	16.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	9.12	3.87	11.8	17.5	15.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	12.7	(6.28)	15.7	15.5	15.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(1.42)	23.3	4.23	17.0	14.4
Tăng trưởng LNTT (%)	(28.6)	36.0	7.46	14.1	14.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(28.7)	36.1	7.57	14.1	14.0
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.74	4.66	4.43	4.61	4.65
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.96)	(1.62)	(1.65)	(1.70)	(1.73)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	89.3	89.3	89.7	91.6	92.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.12	2.33	2.50	2.88	3.27
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	36.9	50.2	54.0	61.6	70.2
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.92	7.29	6.77	5.94	5.21
P/B (lần)	1.13	1.18	1.12	0.97	0.84
Lợi suất cổ tức (%)	23.3	2.99	5.97	4.18	2.99

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	27.5	33.7	33.5	32.8	32.6
ROAA (%)	1.30	1.57	1.48	1.51	1.52
ROAE (%)	13.7	17.3	17.0	17.6	17.3
Chi phí huy động BQ (%)	5.32	3.78	3.74	4.24	4.41
Lợi suất góp BQ (%)	9.34	7.50	7.40	7.92	8.11
Lợi suất thuần (%)	4.01	3.73	3.66	3.68	3.70
Tỷ lệ NIM (%)	4.06	3.73	3.65	3.75	3.80
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	14.0	18.6	18.8	18.7	18.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.5	71.5	73.9	74.6	75.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.42	9.80	7.27	6.68	5.83
Tỷ lệ CIR (%)	41.3	34.8	37.2	36.9	37.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	231	21.7	40.4	24.8	15.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.7	11.4	9.74	9.13	8.70
VCSH/Tổng TS (%)	9.18	8.99	8.54	8.66	8.85
Đòn bẩy vốn (lần)	10.9	11.1	11.7	11.5	11.3
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.05	1.51	1.99	1.90	1.70
Hệ số LLR (%)	63.7	81.5	93.0	96.9	105
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	98.6	103	103	102	99.8
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.5	25.3	20.1	17.6	15.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.6	60.1	64.0	66.1	67.3
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,656	7,732	7,810	7,888	7,967

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn